

MỘT SỐ CÁCH NÓI THƯỜNG DÙNG CỦA NGƯỜI BÌNH DÂN

Người sống vùng sông nước Nam Bộ có cách nói rất đặc trưng, đó là:

+ Về xưng hô, vợ chồng mới lập gia đình, trò chuyện nhau rất "mắc cỡ miệng" nên thường hay nói trống tức không gọi chồng (hay vợ) bằng bất cứ tiếng gì, còn xưng hô với nhau thì nói "người ta" ("Chiều ăn cơm nhà hông dặng người ta chờ?" – vợ hỏi. Chồng trả lời: "Chiều nay người ta ăn đám giỗ bên nhà mợ Út, khỏi chờ?").

Vợ gọi chồng bằng ông thì đã đành, ngộ cái là chồng cũng thường gọi vợ bằng ông (!), thí dụ: "Ông vô cho thằng nhỏ bú đi. Nó khát sữa, khóc um nầy giờ đó!". Khi đã có con thì mượn tên đứa con lớn mà gọi nhau, chẳng hạn: "Ba con Thắm", "Mẹ thằng Sơn", có khi chỉ gọi "Tía nó", "Má sắp nhỏ"... Đặc biệt, ở tuổi đang yêu người ta cũng có gọi nhau bằng mình: "Bấy lâu em còn nghi còn ngại, Bữa nay em kêu đại bằng mình. Phụ mẫu hay dặng không lẽ đánh mình, giết em?!".

Cư dân vùng sông nước Tây Nam Bộ có hàng nghìn cách nói với những biểu cảm, thái độ thâm thúy khác nhau, tùy tình huống. Thành thử khi mới nghe qua, nếu không phải là "người Nam Bộ chính công", hoặc người nước ngoài cho dù "sành tiếng Việt hơn cả người Việt", sẽ rất dễ bị ngộ nhận về ý nghĩa, bởi họ không tài nào hiểu nổi được một cách trọn vẹn cái tâm ý cực kỳ sâu xa ẩn chứa trong ấy.

Nhưng "tự nhiên" và "thần mật" nhất vẫn là "mậy, tao", cho rằng như vậy mới... tình! Ca dao:

- Ngày nào tui kêu mình dặng bằng mậy,
Gối lưng chung gối, dạ nầy mới vui!

(Gối lưng: Gối dài hai người nằm chung).

- Say nằm bụi chuối anh rên,
Miệng kêu bỏ vợ lấy mền đắp tao!

Phải đâu chỉ các chàng mới "sở sàng" như thế! Các cô cũng thố lộ:

Đặc trưng NGÔN NGỮ CỬ DÂN TÂY NAM BỘ

ĐỨC NGUYỄN



Chữ tình dân tại cây cau,

Tao nghe má nói gả tao cho mầy.

+ **“Nói ý hiểu tứ”**: Dùng trong hoàn cảnh người nói không thể nói trắng ra, mà người nghe vẫn cảm nhận được đầy đủ dụng tâm, dụng ý. Thí dụ hồi thời kháng Pháp, những người thuộc giáo hệ Bồ Sơn Kỳ Hương cũng đã dùng biện pháp “nói ý hiểu tứ” rất nhuần nhuyễn. Chẳng hạn như nói “việc đời đã tới” người trong đạo hiểu là công cuộc chống Pháp đã bắt đầu. Họ rủ anh em “đi lo việc đời”, hoặc nói “đi làm việc nghĩa”... thì hiểu là họ xả thân lo cho đời, gác lại mọi việc nhà, quên hết việc riêng tư để cùng nhau tham gia khởi nghĩa đánh đuổi bọn Tây là, cứu dân, cứu nước.

+ **Nói vậy chứ không phải vậy**: Cũng là một cách nói rất đặc trưng. Thí dụ: (hỏi): *Nó có ở trông không?* (trả lời): *Chắc có* (là không chắc có, nhưng với ý là có!). Hay: *Mời cháu vô nhà nghỉ*. Trả lời: *Dạ được!* (là chịu vô nhưng phải hiểu là không vô, vì có việc phải đi liền). Hoặc: *Bữa nay thấy ngoài chợ người ta có bán tôm càng không?* Trả lời: *Tôm càng thì hiếm* (hay hiếm hiếm – hiếm là ít lắm, nhưng phải hiểu là nhiều lắm).

+ **Nói hổng phải nói**: Vẫn biết rằng nói ra thì “hổng phải” nhưng không thể không nói. Thí dụ: *“Nói hổng phải nói, tại tiếp mấy quan anh, mình phải dãi la-de coi mới được, chứ cái thứ đó uống biết chừng nào say. Rượu để mới ghịch”*.

+ **Nói mà nghe**: Là nói riêng với ai đó về một sự việc mà người nói có ý muốn người nghe không nên nói đi nói lại, để tránh “đôi chối”, tức sẽ không chịu trách nhiệm về lời nói ấy của mình. Thí dụ: *“Nói mà nghe, ông ta đầu hai thứ tóc vậy chứ không nên nét!”*.

+ **Nói trại**: Nếu chưa quen cách nói này người nghe không thể không ngạc nhiên, thắc mắc, nhưng nếu tinh ý một chút, qua quan sát, mọi thắc mắc sẽ tan biến và đồng cảm được ngay. Chẳng hạn như:

- Khi thấy đứa bé kháu khĩnh, dễ thương, các bà các chị hun lấy hun để, âu yếm nựng nó, tỏ vẻ rất cưng nhưng không nói “*Thằng nhỏ thấy cưng quá!*” mà nói: “*Thằng nhỏ thấy ghét quá!*”, hoặc “*Con nhỏ xấu ghê đi*”. Vì sao vậy? Cái gì cũng có duyên do của nó. Dân gian cho rằng nếu khen đứa bé đẹp dễ, thấy thương thì tục cho là “*rửa mát*”, cho nên phải “*chê*”, phải nói xấu thậm tệ để cho quỷ thần không “*nhìn*” (“*bắt*” – làm cho chết!). Thế mới nuôi được!

+ **Nói tránh**: Để thể hiện sự nể trọng bậc trưởng thượng, khả kính, người Nam Bộ thường nói tránh. Thí dụ những người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không

nói *đường* mà nói *nẻo*, hoặc *ngọt* (vì đường trùng danh xưng một vị Phật: Đường Công Vương Phật). Trong dân gian cũng không khác, thí dụ ông “*Tư*” người ta gọi là ông “*Bốn*”; ông “*Năm Núi*” thì gọi ông “*Năm Sơn*”... Hoặc chỉ gọi chức hay thứ như “*ông Cả*” (Hương cả), “*ông Út*”, “*cô Năm*” v.v.

Lại có trường hợp nói tránh do quá sợ. Thí dụ như không dám nói con cạp mà nói “*ông hổ*”, hay “*ông ba mươi*”. Cũng không dám nói con sấu mà nói “*ông dài*”, con sấu dị tật 5 chân thì nói “*ông năm chèo*”. Kê 3 cục đất lại bắc nồi lên chụm nấu thì kêu là “*ông táo*”... Hoặc bị phát bối (đau ung độc ở sau lưng, chỗ tay sờ không tới) hay mọt bạc đầu... cho rằng nếu nói ngay tên thì việc điều trị sẽ không thuyên giảm, có khi nguy hiểm đến tính mạng, vì vậy khi có ai hỏi hay cần thiết phải nói, người ta chỉ nói “*bệnh ấy*” hoặc “*bệnh đó đó*”, chữ không nói rõ ràng. Phải ráng mà hiểu!

+ **Nói cũ**: Những người “*tín ngưỡng tôn giáo nặng*” định vào chùa làm công quả một thời gian nhất định, hoặc muốn ăn chay có thời hạn, hay ăn chay trường, thường không dám nói ra thành tiếng với ai, mà làm thì cứ làm, ăn chay thì cứ ăn chay, được mấy ngày hay mấy ngày bởi họ nghĩ rằng, nếu nói ra mà vì lý do nào đó không thể thực hiện đúng thì sẽ mắc tội với Trời Phật (!). Cả đến việc đi núi (hành hương chiêm bái) cũng vậy, chừng nào đi thì đi, không dám nói. Muốn rủ ai đi cùng cho có bạn thì nói là “*đi lên trên*” (!). Chỉ nói mờ ớ như vậy, song “*người đồng điệu*” vẫn hiểu được.

+ **Nói trại (nói trệch)**: Là cách nói cố sửa đổi cho lịch tiếng chuẩn, tựa như nói tránh, như đi đường thì nói là đi *dàng*; nghĩa nhân thì nói là *ngời ngon*; họ Hoàng nói họ *Huỳnh*; họ Vũ nói họ *Võ* v.v.

Về việc nói trại, ngay cả thời trước từng có người phàn nàn, cảnh báo: “*Theo phép nước thì các tên vua chúa đều phải kính hý, nói trại bẻ hoặc viết thiếu nét. Các quan bắt chức cũng ép dân hý tên mình, cha mẹ, tên ông bà, rồi mỗi nhà còn phải hý tên cha mẹ ông bà, lại hát bội tới đầu hý tên hương chức, tổng, hội đồng, trấn đồng như vậy thì không khỏi bao lâu tiếng An Nam đã ít mà lại phải trại bẻ ráo. Khả nói cho phải, từ khi Tân trào đến đây tới giờ thiên hạ đều bỏ bớt. Nếu y như cựu lệ thì một khi kia phải rối lắm. Như câu: ai có phúc cho bằng tôi. Thì phải nói trại: ơ có phúc chu bùng tuôi. Mỗi tiếng đều sai ráo thì tiếng An Nam chừng 100 năm phải mất biệt...” (Lục tỉnh tân văn, số 37, tr. 8).*

+ **Nói lái, nói lắt**: Là nói đảo ngược âm/ vần/ thanh một cặp từ, hay 3 – 4 từ (nếu có thể) để trở thành

những tiếng khác. Nói lái là một trong những yếu tố cấu thành sự phong phú của tiếng Việt. Nó được dùng trong những trường hợp tuy nghiêm chỉnh nhưng hàm chứa sự ẩn nghĩa, biến nghĩa, hài hước, hoặc chế giễu một cách khá thú vị.

Bất cứ ai kể cả trẻ em cũng nói lái được dễ dàng vì không cần bẻ môi bẻ miệng khó khăn, lại có quy ước đơn giản là không cần phân biệt chính tả mà chỉ cần thuận âm. Thí dụ: *Cô Hai đi Sài Gòn nhớ mua dùm tôi giấm sủ* (vú sấm – sấm là tiếng gọi phụ nữ người Hoa).

Trong bông đùa, người ta thường nói lái hai tiếng đơn giản. Thí dụ như chuyện ở trường học: thầy giáo => tháo giày; giáo chức => dứt cháo; hiệu trưởng => hưởng triệu...

Người có khiếu nói lái thường nghiêm chuyện đùa nghịch với bạn bè, bằng cách tìm một từ/ cặp từ thanh bại, ý nhị nào đó để làm cái cớ mà gài vô câu nói, đợi khi lái những từ ấy, nghiêm ra, ai đó không thể không đỏ mặt! Thí dụ: *“Em đẹp quá, trắng như bông cau!”* (lái là *Bao Công* – mặt đen); *“Xin giới thiệu, chú Tư đây vốn là người có biệt tài lái võ”* (lái võ là điều khiển máy duôi tôm chạy chiếc võ lải gần giống như tắc ráng dưới sông rạch – vốn là, và lái võ nói lái là...). Hoặc: *“Ông Hai vốn nguyên là... địa chủ”* – vốn nguyên là, và địa chủ, nói lái là... Hoặc gắn thêm một tiếng theo tên của người ấy, tạo thành một *“biệt danh”* để đùa. Thí dụ như: *Thu Cúc* (tên Cúc, gắn thêm chữ lót Thu), *Hồng Mai* (tên Mai, gắn thêm chữ lót Hồng)...

Trong kho tàng văn nghệ dân gian có những câu đố với lời gài (lái) hết sức bất ngờ, chẳng hạn như: *Vừa đi vừa lùi vừa mổ (lỗ mũi); Chợ trong không bán, bán tránh chợ ngoài (bánh tráng)...*

Lại thấy đối lái trong *“thơ”*. Gọn, nhưng hóc búa, hóm hỉnh, nhẹ nhàng:

- Trai *Hóc Môn* vừa hôn vừa *móc*.

- Gái *Gò Công* vừa gồng vừa *co*.

Đối thật chỉnh, nhưng bởi *“mắc hơn chữ Tây”* nên đâu phải câu nào cũng đối được! – Nói lái chữ Tây vậy mà còn dễ hơn. Chuyện kể rằng, trong một cửa hàng bán tranh sơn mài, khi nghe cô chủ quầy nói giá, bà vợ Việt *“bàn ra”*, nhắc khéo, có ý cản chông (Pháp) đừng mua, bằng cách nói một câu bằng quơ *“très chaud”* (nóng quá), ông chồng không hiểu ý, nên cứ mua. Về nhà mới rõ lúc ấy bà tế nhị bằng cách nói lái *“très chaud”* tức *“trop cher”* là đắt lắm!

Câu thách đối lái sau đây dường như đến nay ai cũng... *“bó tay”*: *“Gái Củ Chi chỉ cu hỏi củ chi?”*.

+ **Nói lặp và nói cà lăm**: *Nói lặp* hay *nói lặp* là nói lặp y lại tiếng mới vừa nói (như *từ từ, lẹ lẹ, xanh xanh ...*), hoặc gằn âm (như *do do, du du, nho nhỏ ...*), và cũng có thể gằn cùng một nghĩa.

Còn cà lăm là nói dập dình mãi một tiếng hay vài ba tiếng rồi mới nói được tiếng khác tiếp theo, nghe rất buồn cười. Khi trò chuyện với người cà lăm, chờ họ nói xong một câu người ta không thể không cảm thấy khó chịu, thậm chí bực vì cái sự cà lăm này hầu như chỉ diễn ra trong tình trạng gấp rút, hồi hả, hoặc tình huống nguy kịch. Thành ra việc gấp hóa muộn, có khi hư việc.

Hệ quả của cà lăm có khi cũng rất khó lường! Một trường hợp:

Anh ta hốt hải chạy vào báo với những người trong nhà:

- *Cái thằng, cái thằng, cái thằng, cái mà thằng... Út Mót, thằng Út Mót, nó, nó, nó, nó, cái mà, cái mà té, té, té... dưới sông!*

Anh ta cứ *“cái mà, cái mà”* mãi, thằng nhỏ chết chìm là cái chắc!

+ **Nói lịu**: Ta không lắm nói cà lăm với *nói lịu*, vì *lịu* tuy cũng nói lặp lại vài bốn tiếng câu nói của người khác một cách vô ý thức, hoặc khi quỳnh, nói sai rồi sửa lại cũng vẫn sai như vậy, mà nhiều lần như thế. Nguyên nhân là do biết rõ người ấy có tật hay lịu, ai đó chọc chơi, bằng cách bất thành linh vỗ mạnh vào vai hay chụp vào người, tức vừa cố ý làm cho giật mình, vừa nói to vài tiếng gì đó, thí dụ *“Má ơi!”* tức thì họ sẽ *“lịu”* um lên *“Má ơi! Má ơi...”* liên tục. Tất nhiên sau đó là một *“trận cười”* của cả người lịu và những người không lịu. Mạnh ai nấy cười, nhưng riêng người lịu thì do *“hết hồn hết vía”* và mệt nên không thể không *“rúa vui”*: *“Cái thằng mắc dịch!”; “Quỉ nà!”*.

+ **Nói dư**: Là nói thêm tiếng để trở thành *“tiếng đôi”* dạng cho thuận miệng, êm câu. Thí dụ: thay vì nói *“Thợ gì mà làm kỳ cục quá”*, người ta nói *“Thợ thấy gì mà làm ăn kỳ cục quá xá”*.

+ **Nói đánh đấu**: Là nói xóc nặng, hay *“nói ghĩa cạnh”*, cũng gọi *“nói cạnh hồi”*. Thí dụ (máng con): *“Chừng này mới 12 giờ khuya, về chi sớm, sao hồng đi luôn đi?”*.

+ **Nói lầy**: Là nói giọng hờn dỗi, tuy thiệt cho mình, nhưng do giận quá, nên bất cần, cốt để *“lợi gan”*. Thí dụ (ghen): *“Của cải, tiền bạc trong nhà có bao nhiêu, ông đem nuôi con đi đó hết đi! Tui với mấy đứa nhỏ cạp đất ăn cũng được nữa. Hồng cần ông lo!”*.

+ **Nói lể**: Là nói theo tục, về những chuyện vô lý không đáng tin, hoặc đoán hay phê bình một việc với

óc dị đoan. Thí dụ: “*Nó thi đậu là nhờ má nó cho ăn chè đậu!*”

+ **Nói ngược:** Thời Pháp thuộc, nhiều mặt sinh hoạt bị đảo lộn, từ chính trị, đạo đức, văn hóa đến khoa học kỹ thuật... mỗi đều diễn ra quá khác thường! Những người đã có dịp tận mắt chứng kiến “*chuyện lạ*” về kể lại, người nghe không chịu tin chẳng nói làm gì, dằng này có khi họ đã mắt thấy, tai nghe, sờ đụng mà cũng vẫn còn ngờ! Đàn ông cúp tóc (hớt tóc) ngắn, mặc đồ tây; phụ nữ dầu uốn quăn, ngực độn vú keo (cao) su! Đèn (điện) để ngoài trời gió thổi ù ù không tắt. Xe bay được trên trời v.v. và v.v., toàn chuyện “*ngược đời!*” Thành ra dân gian không thể không đặt về nói... ngược để phản ánh cái thời xã hội “*bị đảo lộn*” ấy: “... *Ngựa đua dưới nước, Tàu chạy trên bờ, Lên núi đặt lờ, Xuống sông hái củi, Gà cổ hay ùi, Heo nái hay bơi ...*”.

+ **Nói móc:** Cũng gọi nói móc họng hay nói đâm hông, có ý châm chọc làm cho người ta phải “*ức càn hông*”. Thí dụ (thấy người ta bị cháy nhà, không còn một chiếc dưa cái, dưa con, đang lâm cảnh màn trời chiếu đất...), thay vì chia sẻ sự đau khổ mất mát quá lớn ấy, ai đó lại nói móc...): “*Mấy ông không biết, nó ché nhà lá, đốt bỏ dựng lên nhà đúc đó!*”. Hoặc (nói thí thỉ): “*Nó tổ chức đốt nhà dựng bắt bảo hiểm thường. Cháy một thường mười. Trận này nó giàu to đây nè, ở đó mà tội nghiệp!*”.

+ **Nói dóc:** Là bịa chuyện ra mà nói, thường không có ý gạt người ta, hoặc có gạt đi nữa thì cũng để cùng nhau mà cười chơi chứ không đến nỗi hại gì cho lắm. Thí dụ như thỉnh thoảng những người chạy xe đồ dựng chuyện (hoặc bày ra chuyện khó tin) rồi dẫn đội lên rằng, ở... (xứ A xứ B nào đó), có ông già làm chuyện rất lạ: *đặt lờ trên ngọn tre! Vậy mà trúng hết biết, lúc nào trong cái lờ ấy cũng thấy mấy chục con tôm còng!* (Thế là những người cả tin ùn ùn nhau đi coi cho biết. Đến nơi mới té ngựa ra: có đúng y như vậy thật. Nhưng đó là cái “*thật giả*”, bởi ai đó đã rất cắc cớ, đem cái lờ treo trên cây tre, có bỏ vô trong đó mấy con tôm... bằng nhựa! Ai nấy chỉ biết nhìn nhau mà cười!).

+ **Nói láo:** Là nói không thật, tức có nói không, không nói có. Nói láo mang tính đối trá, có ý gạt người. Mà hề gạt được thì hệ quả tất nhiên là rất tai hại thậm chí nguy hiểm, nhất là “*báo cáo láo*”. Thí dụ như con đi học xa, chỉ lo chơi bời trác táng đã bị đuổi học mà vẫn gạt cha mẹ rằng học tốt, nên cứ được gửi thêm tiền!

Thành ra, nói dóc và nói láo khác nhau, nhưng thường thì người ta vẫn hiểu như là một. Ở miền Nam có Ông Ó là nhân vật nổi tiếng nói dóc (nhưng bị hiểu

là nói láo. Có câu: “*Ông Ó nói láo để nghe, Còn mấy nói láo chà tre lên đầu*”, và “*Nói láo là cháu Ông Ó*”.

+ **Nói phóng đại:** Đây là cách nói để gây cười vô tư, tức là cười nhẹ nhàng, cười liễn, không cần phải suy nghĩ lâu mới thắm, mới cười. Người Nam Bộ khá giỏi nói về khoa này, nhưng dám chắc khó ai qua được Bác Ba Phi. Tuy là “*nói dóc*” nhưng đó là cái dóc rất hóm hỉnh, luôn tạo sự bất ngờ thú vị khiến người nghe không thể không cười lăn cười lộn!

+ **Nói rút:** Tức nói riu hay nói lược là rút (lược) hai tiếng lại còn một tiếng. Đó là cách nói dùng “*dấu thanh hỏi*” thay cho thanh của tiếng người ta đã vừa nói đến. Cách nói này được dùng rất phổ biến như: ở ngoài ấy thì nói là ở ngoài; trong ấy nói trong; hỏi năm ấy thì nói là hỏi năm; xưa thật là xưa nói là xưa xưa; không (hay hông) thì nói khổng (hổng). Thí dụ: “*Tôi khổng biết chuyện đó*” ; “*Tôi hông nghe ai nói như vậy*”; ông ấy thì nói là ống. Tương tự, có các tiếng: *bả, chủ, ảnh, chí, cổ, di, thẳng, mở, con mẹ, thẳng chả, thấy, riêng, cấu, ẻm, châu, thim* thì ít dùng, và tất nhiên không nói riu được những tiếng không thay được dấu thanh, như *bác, chít, chắt...*

+ **Nói rút gọn:** Thường được dùng trong những trường hợp cần rút gọn lại một cụm từ có khoảng 4 – 6 tiếng mà những tiếng ấy chùng như đã trở nên quen thuộc, dễ nhận ra đối với người nghe. Thí dụ như, thay vì nói đủ kinh tế tài chính người ta nói *kinh tài*; hoặc nông dân, thanh niên, phụ nữ thì nói *nông thanh phụ*; Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc nói là *Long Châu Sa...*

+ Tương tự, người ta cũng thường hay nói tắt đối với một số cụm từ như trường Chu Văn An thì nói *trường Chu*; đi Vũng Long (Vĩnh Long) nói *đi Vãng*; vô tuyến truyền hình nói *vô tuyến...*

+ **Nói bắt vần:** Là nói cho ăn vận, cho vần câu. Thí dụ (câu hát hài hước): “*Em thấy anh tương tư bệnh chắc, em rước ông thầy thuốc bác, em sắc hai chục chén còn lại một phân. Bỏ thêm một lát gừng sống, một đồng gừng lùi, một núi lá chuối hột, một hộp dương qui, một ky trái táo, năm sáu chục trái cà na, thẩn sa một lượng, khoai sượng một chục, măng cụt một trăm, rau răm một đám, cám nhuyễn một bao, con gái rao rao mười hai dứa, sữa lửa vài trăm...* Huỳnh liên, huỳnh bá, huỳnh cầm... Uống ba thang mà anh không mạnh thì em đào hầm chôn luôn!”.

+ **Nói nhót tiếng:** Là nói không đủ tiếng trong câu, người quen nghe vẫn hiểu được. Thí dụ: *Đánh dằng (dòng) xa => Đánh... xa* ; *Chị Tư chỉ nói một là*

(Xem tiếp trang 31)

ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ...

(Tiếp theo trang 13)

một hai là hai! => Chị Tư chỉ nói một... một hai... hai!...

+ **Nói nối âm:** Thí dụ: Anh em => Anh nem; Hai mươi một (21) => Hăm mốt; Hai mươi năm (25) => Hăm lăm...

+ **Nói tiếng đôi để trợ ý:** Bên cạnh những tiếng đôi thông thường như xe cộ, tàu bè, cá mắm, cây cối... dân gian còn sáng tạo một "loại hình" tiếng đôi khác khá thú vị, bởi tiếng kèm theo sau có tác dụng làm bật lên ý của tiếng trước liền kề. Thí dụ: Tóc tai (tóc không gọn, để dài phủ lỗ tai); Cháo lao (ăn uống không đầy đủ, nghèo khổ, thay vì ăn cơm, chỉ ăn cháo nên không đủ dinh dưỡng - lao).

+ **Nói có ý bác bỏ, xem thường, chê khinh:** Thí dụ: "Thằng cha đó mà thấy bà gì!"; "Nó nói phách vạy chớ tài ba gì!".

Phổ biến là lấy âm đầu của tiếng chính cộng thêm vần "iéc". Thí dụ: Nó thi thi thi chớ đậu điếc gì!; Cha đó hay than chớ nghèo nghiệt gì! v.v. và v.v.

Hãy còn vô vàn cách nói khác, chẳng hạn như nói thiên cơ, nói ma ma phạt phạt, nói tiên tri, nói bất quàn, nói lẽ, nói về, nói thơ v.v.

Trở lên là những đặc trưng ngôn ngữ vùng sông nước. Đã là đặc trưng thì có cái hay, cái dở. Cái hay tất nhiên cần phải được trân trọng gìn giữ để làm giàu thêm tiếng nói nước nhà; còn cái dở, cái lạc hậu, trước trào lưu tiến hóa xã hội, và trước yêu cầu chuẩn hóa ngôn ngữ toàn dân, tự nó đã bị đào thải dần. Thật vậy, ngày nay không tìm đâu ra những người nói lịu, hoặc cà lăm; không ai quá kiêng dè chuyện kỳ húy vốn quá rối rắm, tối nghĩa; cũng ít ai nói treo, nói tránh... để gây hiểu lầm, và cho dù những cặp vợ chồng ít học cũng gọi nhau anh anh, em em ngọt xớt chứ không xưng hô mày, tao quá sỗ sàng như trước.

Đáng mừng là ngôn ngữ vùng sông nước đã được chính cha đẻ của nó (dân gian) ý thức điều chỉnh dần để ngày càng phát triển trong chiều hướng trong sáng, lịch sự và gần gũi hơn với các vùng miền, bởi hơn ai hết họ biết rất rõ rằng, "Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc" (Hồ Chí Minh).

D.N

NGUYỄN NGỌC THÀNH

Công lao Thầy Cô

(Kính tặng các Thầy, Cô giáo nhân ngày Nhà Giáo Việt Nam 20 - 11)

Cha Mẹ nuôi dưỡng nên người
Thầy Cô cho chữ rạng ngời tương lai
Nghĩa tình nặng gánh đôi vai
Thứ nhất Cha Mẹ, thứ hai Cô Thầy

Tháng năm mưa nắng nhuộm đầy
Vui buồn nếm trải những ngày xa quê
Núm nhau, con đã trở về
Đáng Thầy thắp thắp bên bờ chiều phai

Phấn màu vương tóc, Thầy ơi!
Vẫn còn ray rứt trông người trăm năm
Vẫn đôi mắt ấy xa xăm
Đứa học trò cũ đến thăm, võ òa

Rừng rưng khóc mắt lệ nhòa
Nhưng ai còn nhớ đến nhà chiều nay
Giảng đường bụi phấn bay bay
Con dò tri thức hăng say Thầy chèo

Cho con nhận biết bao điều
Cho con biết ghét biết yêu trên đời
Dạy con đứng nghĩa làm người
Cho con cả một bầu trời gấm hoa.

Tháng 11/2014

N.N.T